

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 718/BKHCN-KHTC

V/v Hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách KH&CN năm 2022.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, ngày 15 tháng 7 năm 2020 Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 2062/BKHCN-KHTC hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) xây dựng khung kế hoạch khoa học và công nghệ (KH&CN) 5 năm 2021 - 2025.

Hiện nay, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã và đang triển khai kế hoạch KH&CN năm 2021. Dự kiến vào khoảng tháng 5 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022. Trước bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường do tác động của dịch bệnh, nhằm chủ động và bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) và dự toán ngân sách nhà nước về KH&CN năm 2022 theo quy định, Bộ KH&CN hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2021

Trên cơ sở thực hiện kế hoạch KH, CN & ĐMST năm 2020; tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán 06 tháng đầu năm và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2021, Bộ KH&CN đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH, CN & ĐMST và dự toán ngân sách KH&CN năm 2021 với các yêu cầu cụ thể sau đây:

a) Kết quả nổi bật của các hoạt động quản lý nhà nước, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh trong từng lĩnh vực: Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; Sở hữu trí tuệ, Đánh giá - Thẩm định và Giám định công nghệ; Ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân; Ứng dụng và đổi mới công nghệ; Phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; Thông tin và thống kê KH&CN; Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN v.v...

b) Tình hình thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH, CN & ĐMST, trong đó đặc biệt chú ý tình hình thực hiện: Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập; Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính Quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức KH&CN công lập; Thông tư liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, v.v...

c) Kết quả nổi bật của hoạt động KH, CN & ĐMST thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Nhận xét đánh giá về: tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào đời sống, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành hoặc địa phương, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thể hiện bằng giá trị khoa học (số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác được cấp văn bằng bảo hộ) và giá trị thực tế (doanh thu, lợi nhuận, bảo vệ môi trường, số lượng người được tập huấn, đào tạo do hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại).

d) Đối với các bộ, cơ quan trung ương có các phòng thí nghiệm trọng điểm, cần đánh giá tình hình thực hiện các nội dung và kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm để khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc có thể tự chủ về tài chính trong giai đoạn 2021-2025.

đ) Những khó khăn, tồn tại, vướng mắc cần khắc phục.

e) Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH, CN & ĐMST của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong quá trình thực hiện, xây dựng cơ chế chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH, CN & ĐMST trong những năm tiếp theo.

2. Các Văn phòng Chương trình, Ban Chủ nhiệm Chương trình KH&CN quốc gia/Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước phối hợp với các đơn vị quản lý nhiệm vụ căn cứ mục tiêu, nội dung, sản phẩm của từng Chương trình cần đánh giá, báo cáo tình hình triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021, những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị hướng giải quyết để Bộ KH&CN kịp thời điều chỉnh các quy định về tổ chức quản lý Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 cho phù hợp.

3. Chú ý đánh giá một số nội dung hoạt động KH&CN khác như:

- Đánh giá kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các chương trình và nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, chương trình và nhiệm vụ KH&CN trọng điểm cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, các chương trình phối hợp với Bộ KH&CN (nếu có). Đánh giá tập trung vào đóng góp của KH, CN & ĐMST đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương; tình hình thực hiện các nhiệm vụ nhằm thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (theo ba trục sản phẩm: Sản phẩm quốc gia, Sản phẩm chủ lực địa phương, Sản phẩm OCOP) để nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh; những tồn tại, bất cập và đề xuất khắc phục.

- Tình hình và kết quả thực hiện việc xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn - quy chuẩn kỹ thuật và tác động của việc thực hiện các tiêu chuẩn - quy chuẩn kỹ thuật, các quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa đến sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu v.v...

- Tình hình xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam. Đề xuất định hướng ưu tiên chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng làm chủ, sáng tạo công nghệ trong nước.

- Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác theo hướng dẫn của Bộ KH&CN tại Công văn số 3802/BKH&CN-KHTC ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc Hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán chi sự nghiệp KH&CN từ ngân sách trung ương năm 2021 cho các bộ, cơ quan trung ương và Công văn số 3803/BKH&CN-KHTC ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc

Hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN năm 2021 cho các tỉnh, thành phố.

- Tình hình và kết quả thực hiện các dự án đầu tư: xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm hoặc trạm, trại nghiên cứu đối với các bộ, cơ quan trung ương và Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng v.v...thuộc các Sở KH&CN tỉnh, thành phố.

4. Đối với các bộ, cơ quan trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì các Chương trình Sản phẩm quốc gia về KH&CN (Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương) các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia, Đề án hoặc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia được Bộ KH&CN phê duyệt giao bộ, cơ quan trung ương tổ chức triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020, cần khẩn trương tổ chức đánh giá tổng kết kết quả thực hiện và hiệu quả mang lại của Chương trình theo các nội dung được phê duyệt làm cơ sở để Bộ KH&CN tổ chức thực hiện các chương trình theo định hướng tái cơ cấu các Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

5. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, nhiệm vụ tăng cường năng lực hỗ trợ nghiên cứu và nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng v.v... có sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN hoặc kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần báo cáo chi tiết tình hình phân bổ dự toán (chú ý nêu rõ kinh phí phân bổ đầu tư trực tiếp cho KH&CN so với tổng kinh phí được Trung ương cân đối), tình hình giải ngân, hiệu quả đầu tư v.v...để có căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các nhiệm vụ mới giai đoạn 2021 - 2025.

6. Báo cáo tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2021 giao cho từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2021, ước thực hiện đến hết tháng 12 năm 2021. Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2021, theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN, Bộ KH&CN sẽ thực hiện giám sát việc sử dụng ngân sách năm 2021 cho hoạt động KH&CN tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để có căn cứ trong việc xem xét cân đối phân bổ dự toán ngân sách năm 2022.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KH&CN NĂM 2022

Kế hoạch và dự toán ngân sách cho KH&CN năm 2022 cần xây dựng theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật KH&CN, Luật Đầu tư công; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản hướng dẫn Luật, quy trình, thời gian, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31 tháng 12 năm 2022.

Việc xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2022 cần gắn với việc tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung về KH, CN & ĐMST trong các Luật, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Chương trình hành động của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ khác được Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025 và định hướng Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030 theo đó phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, cải thiện môi trường kinh doanh và sức cạnh tranh; cơ cấu lại nền kinh tế; quản lý nợ công; phát triển kinh tế tư nhân; phát triển tiềm lực KH&CN.

Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2022 cần thuyết minh cụ thể, số liệu chi tiết tổng hợp chung vào các biểu mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo công văn này, đáp ứng các yêu cầu sau:

I. Nhiệm vụ KH&CN các cấp

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Việc tổ chức xây dựng các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thực hiện trong kế hoạch năm 2022 được tiến hành theo quy trình sau đây:

1.1. Hiện nay, Bộ KH&CN đang tiếp tục thực hiện chủ trương tái cơ cấu các chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng tới năm 2030 theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Để bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2022, Bộ KH&CN đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN ở tầm cấp quốc gia theo mục tiêu, nội dung của các chương trình KH&CN hiện đang có hiệu lực thực hiện gửi trực tiếp về Bộ KH&CN hoặc gửi

về Vụ KH&CN hoặc các tổ chức là đầu mối quản lý nhà nước về KH&CN của bộ, cơ quan trung ương, địa phương để xem xét và xử lý, tổng hợp gửi Bộ KH&CN theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

1.2. Đối với các bộ, cơ quan trung ương có các chương trình KH&CN cấp quốc gia được giao chủ trì tổ chức thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 cần phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN tổ chức xác định nhiệm vụ; tuyển chọn hoặc xét chọn nhiệm vụ KH&CN, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ bố trí kế hoạch năm 2022 theo các quy định của Luật KH&CN và hướng dẫn của Bộ KH&CN.

1.3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2019/TT-BKHCN ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN nghệ quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư.

1.4. Về các dự án xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao KH&CN vào nông thôn, miền núi được thực hiện theo Thông tư số 07/2016/TT-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN Quy định quản lý Chương trình Hỗ trợ ứng dụng chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025. Các bộ, cơ quan trung ương cần thông báo cho các tổ chức KH&CN trực thuộc làm việc với Sở KH&CN các tỉnh, thành phố để lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ, cơ quan chủ trì dự án, xây dựng dự án theo hướng dẫn gửi Bộ KH&CN để xem xét tổng hợp theo tiến độ tại mục II. Đặc biệt lưu ý việc gắn với các sản phẩm: Sản phẩm quốc gia; Sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế phát triển ở địa phương; Sản phẩm OCOP.

1.5. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia (Quỹ Nafosted) tài trợ kinh phí, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cần thông báo cho các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp trực thuộc hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố chuẩn bị hồ sơ đề nghị Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo hướng dẫn và thông báo của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN để xem xét tổng hợp.

1.6. Sau khi nhận được đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia do các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoặc từ các tổ chức, cá nhân gửi đến, Bộ KH&CN thông qua hội đồng khoa học để tư vấn cho việc hình thành các nhiệm vụ nghiên cứu ở tầm Quốc gia với mục tiêu, nội dung, sản phẩm rõ ràng

và tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định, phê duyệt nội dung kinh phí theo quy định hiện hành để làm căn cứ bố trí thực hiện trong kế hoạch năm 2022.

1.7. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cần chuẩn bị nội dung và phối hợp với Bộ KH&CN để triển khai các Chương trình/Kế hoạch KH&CN Quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến năm 2030, cụ thể:

- Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ);

- Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 (Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ).

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở

2.1. Song song với việc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia gửi Bộ KH&CN, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trên cơ sở tổng kết đánh giá hoạt động KH, CN & ĐMST giai đoạn 2016-2020, cần chủ động và phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN để xây dựng các chương trình KH&CN cấp bộ hoặc cấp tỉnh, thành phố phù hợp với định hướng chiến lược phát triển và kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025 tầm nhìn 2030 của ngành và địa phương. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của các chương trình đã được xác định hoặc các nhiệm vụ KH&CN được Chính phủ giao và các quy định của Nhà nước, quy định của từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương để hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, sau đó tổng hợp thành danh mục các nhiệm vụ KH&CN của bộ, cơ quan trung ương, địa phương mình và tổ chức thực hiện việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn hoặc xét chọn, thẩm định nội dung và kinh phí trình Thủ trưởng cơ quan bộ, cơ quan trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương phê duyệt làm căn cứ bố trí kế hoạch năm 2022 theo tiến độ ở Mục II dưới đây.

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương chỉ lập dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN đã được thẩm định và phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

2.2. Đối với các nhiệm vụ tăng cường năng lực hỗ trợ nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN:

- Trên cơ sở quy hoạch, định hướng phát triển ngành hoặc lĩnh vực đã được phê duyệt giai đoạn 2021-2025, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cần rà soát và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nhiệm vụ tăng cường năng lực hỗ trợ nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN trực thuộc trong những năm trước đây để khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục xây dựng hoặc xây dựng mới các dự án, đặc biệt là các nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp để các tổ chức KH&CN từng bước tiếp tục thực hiện tự chủ theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Các nhiệm vụ này cần được thẩm định và phê duyệt theo quy định sau khi có ý kiến của Hội đồng KH&CN cấp bộ, tỉnh, thành phố.

- Vào thời điểm khi các Bộ, ngành, địa phương làm việc với Bộ KH&CN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2022, Bộ KH&CN yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương, địa phương phải có Thuyết minh chi tiết về các nhiệm vụ có liên quan và thể hiện các nhiệm vụ đó trong Đề án kế hoạch KH&CN năm 2022 của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đính kèm Quyết định phê duyệt. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương không dự toán ngân sách khi các nhiệm vụ chưa được xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự toán kinh phí.

2.3. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư xây dựng cơ bản cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức nghiên cứu – phát triển:

- Bám sát và đảm bảo phù hợp với tiến độ, nội dung của việc xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 của quốc gia và của ngành, lĩnh vực, địa phương, các quy hoạch có liên quan theo quy định của Luật Quy hoạch. Căn cứ quy hoạch phát triển ngành hoặc lĩnh vực, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cần rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án xây dựng cơ bản cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm của các tổ chức KH&CN. Trường hợp các bộ, cơ

quan trung ương, địa phương có nhu cầu tiếp tục cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm hoặc đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu – phát triển thì hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng dự án, thẩm định, phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư và xây dựng.

- Việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN cần có sự chỉ đạo thống nhất của Lãnh đạo Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, trong đó có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, sự phối hợp chặt chẽ giữa Vụ KH&CN với các đơn vị có chức năng tổng hợp (Vụ Kế hoạch hoặc Vụ Kế hoạch – Tài chính/Ban Kế hoạch – Tài chính, Vụ Xây dựng cơ bản, Vụ Đầu tư, Cục Đầu tư) trong việc chuẩn bị các thủ tục đầu tư, xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án, bố trí kế hoạch, chỉ đạo, điều hành, giải ngân và thanh quyết toán vốn thực hiện dự án theo các quy định hiện hành để bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Bộ KH&CN đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương không dự toán vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để thực hiện các dự án khi các dự án này chưa được xây dựng, thẩm định và phê duyệt trước thời hạn quy định.

2.4. Riêng đối với việc sử dụng kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN để xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN ở địa phương, các Sở KH&CN cần phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc chuẩn bị chủ trương đầu tư, mục tiêu, quy mô và nội dung đầu tư, đồng thời cần chủ động chuẩn bị các dự án theo yêu cầu tại Điều 2.3 nói trên.

Kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN của các tỉnh, thành phố được sử dụng để chi cho các nội dung bao gồm: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu về KH&CN, thông tin và thống kê KH&CN, thư viện KH&CN.

2.5. Trong giai đoạn 2021-2030, Bộ KH&CN chủ trương tập trung đầu tư một số phòng thí nghiệm chuyên sâu và một số tổ chức nghiên cứu phát triển để hình thành các tổ chức, nhóm nghiên cứu mạnh, có trình độ và năng lực tương đương với các tổ chức tương tự ở các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Do đó, Bộ KH&CN đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đề

xuất tên tổ chức nghiên cứu phát triển hoặc nhóm nghiên cứu mạnh trực thuộc xếp theo thứ tự ưu tiên, đồng thời thuyết minh rõ hiện trạng và năng lực đề trên cơ sở đó Bộ KH&CN xử lý, cập nhật thông tin và tổng hợp trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, quyết định.

II. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2022

- *Trước ngày 15/4/2021*: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoàn thành việc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia gửi Bộ KH&CN.

- *Trước ngày 30/6/2021*: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoàn thành việc tổ chức các Hội đồng xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN của bộ, cơ quan trung ương, địa phương (bao gồm cả nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia giao Bộ, ngành và cấp bộ, cấp cơ sở), thẩm định, phê duyệt kinh phí để bố trí kế hoạch thực hiện năm 2022 và tổng hợp vào kế hoạch KH&CN năm 2022 của bộ, cơ quan trung ương, địa phương gửi Bộ KH&CN.

- *Đến 30/6/2021*: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương gửi kế hoạch KH&CN năm 2022 về Bộ KH&CN (02 bản) để Bộ KH&CN tổng hợp, làm việc thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự toán ngân sách năm 2022 của ngành KH&CN.

- *Dự kiến đầu tháng 7/2021*: Bộ KH&CN sẽ tổ chức các buổi làm việc với một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương để triển khai kế hoạch KH, CN & ĐMST giai đoạn 2021 – 2025 định hướng đến 2030.

- *Khoảng tháng 8/2021*: Bộ KH&CN sẽ có hướng dẫn chi tiết hơn để xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH, CN & ĐMST 5 năm 2021-2025.

- *Từ tháng 8/2021 đến tháng 12/2021*: Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoàn thành việc bố trí kế hoạch, hướng dẫn thực hiện các nội dung kế hoạch và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN năm 2022, trong đó có những mốc thời gian quan trọng sau:

+ Sau khi Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022, Bộ KH&CN sẽ hướng dẫn chi tiết các nội dung kế hoạch KH&CN năm 2022 để các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện (trước ngày 05 tháng 12 năm 2021).

+ Trước ngày 31/12/2021, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc.

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương sử dụng hệ thống biểu mẫu báo cáo kế hoạch như đã hướng dẫn áp dụng cho việc xây dựng kế hoạch KH&CN hàng năm thuộc giai đoạn 5 năm 2016-2020 và năm 2021.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2021 và xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN năm 2022 nếu có những chính sách, chế độ mới ban hành, Bộ KH&CN sẽ có thông báo hướng dẫn bổ sung; trường hợp phát sinh vướng mắc trong công tác tổ chức thực hiện, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương phản ánh về Bộ KH&CN để kịp thời xử lý.

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung kế hoạch kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2022 để các bộ, cơ quan trung ương, địa phương biết và cùng phối hợp tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng (để bc);
- Các vụ/đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, KHTC(NQC).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Lê Xuân Định

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NHẬN CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN
KẾ HOẠCH NĂM 2022 (Số 718/BKHCN-KHTC ngày 31/3/2021)**

STT	ĐƠN VỊ
A	Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Đại học Quốc gia Hà Nội
3	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
4	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
5	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
6	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
7	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Bộ Y tế
9	Bộ Công an
10	Bộ Quốc phòng
10.1	Ban Cơ yếu Chính phủ
11	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
12	Văn phòng Trung ương Đảng
13	Văn phòng Chính phủ
14	Văn phòng Quốc hội
15	Bộ Tư pháp
16	Kiểm toán Nhà nước
17	Thanh tra Chính phủ
18	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
19	Toà án nhân dân tối cao
20	Bộ Công thương
21	Bộ Xây dựng
22	Bộ Thông tin và Truyền thông
23	Bộ Tài nguyên và Môi trường

24	Bộ Giao thông vận tải
25	Bộ Tài chính
26	Bộ Nội vụ
27	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
28	Bộ Văn hoá , Thể thao và Du lịch
29	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
30	Bộ Ngoại giao
31	Ban quản lý Khu công nghệ cao Hoà lạc
32	Bộ Khoa học và Công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> - Bộ trưởng và các Thứ trưởng; - Các Vụ, Cục, Tổng cục; - 02 Quỹ KH&CN - Văn phòng Bộ; - 03 Văn phòng: VPTĐ, VPCTQG, VPNTMN - Vụ KHTC (20 bản)
33	Ủy ban Dân tộc
34	Đài Tiếng nói Việt Nam
35	Thông tấn xã Việt Nam
36	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
37	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
38	Hội Nông dân Việt Nam
39	Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
40	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
41	Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam
42	Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
43	Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam
44	Hội Nhà văn
45	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam
46	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
B	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW - Các Sở KH&CN



DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 718 /BKHCN-KHTC ngày 31 tháng 3 năm 2021
của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 1:

Biểu TK1-1: Kết quả hoạt động KH&CN năm 2020 và 06 tháng đầu năm 2021.

Biểu TK1-2: Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật 2020 và 06 tháng đầu năm 2021.

Biểu TK1-3: Kết quả Chương trình KH&CN cấp quốc gia năm 2020 và 06 tháng đầu năm 2021 (nếu có).

Biểu TK1-4: Nhân lực và tổ chức KH&CN.

Biểu TK1-5: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.

Biểu TK1-6: Văn bản về KH&CN được ban hành.

Biểu TK1-7: Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KH&CN

Biểu TK1-8: Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương

Phụ lục 2:

Biểu TK2-1: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình KH&CN cấp quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành năm 2022 (nếu có).

Biểu TK2-2: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh năm 2022.

Biểu TK2-3: Kế hoạch vốn đầu tư phát triển KH&CN năm 2022.

Biểu TK2-4: Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2022 của các bộ, ngành, cơ quan trung ương.

Biểu TK2-5: Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2022 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-1

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2020 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách)

				trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-2

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
NĂM 2020 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1				
2				

11

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-3

**KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
NĂM 2020 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 (NẾU CÓ)**

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1					
2					

11

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-4

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2021						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2021 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)	
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH							
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) =(6+9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
I	Các đơn vị do cấp bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập										
1											
2											
...											
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý										
1											
2											
...											
	Tổng số										

¹ Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-5

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
NĂM 2020 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai			
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ		
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ		
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ		
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ		
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HD		
3	Giám định công nghệ	CN		
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn		
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn		
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị		
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị		
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị		
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)		
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ		
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn		
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		

11

5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA		
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK		
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thống kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>		
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị		
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc		
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		

2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ²	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HD		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và	Tr.đ		

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

11

	dịch vụ KH&CN trên thị trường			
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		

11

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-7

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHOẢN
ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN NĂM 2020 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

Số nhiệm vụ triển khai năm 2020 và 06 tháng đầu năm 2021		
Tổng số	Khoản đến sản phẩm cuối cùng	Khoản từng phần
Cấp Bộ, Tỉnh		
Cấp cơ sở		

11

Bộ

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-8

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN
BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG**

Quyết định thành lập (số, ngày tháng năm)	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay,		Giải ngân (Triệu đồng)		Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí (Triệu đồng)	Năm 2020	06 tháng đầu năm 2021	
		Tài trợ				
		Cho vay				
		Bảo lãnh vốn vay				
					

11

Bộ

Phụ lục 2
Biểu TK2-1

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2022
CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NGÀNH (NẾU CÓ)**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2021	Dự kiến năm 2022	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2022	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng										
I	Nhiệm vụ chuyên tiếp sang năm 2022										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										
II	Nhiệm vụ mới năm 2022										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										

11

Bộ, cơ quan ngang bộ....

Phụ lục 2
Biểu TK2-4

DỰ KIẾN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2021	DỰ KIẾN KINH PHÍ NĂM 2022
A	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (các Chương trình/Đề án được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý – nếu có)	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1.1	Chương trình/Đề án 1		
1.2	Chương trình/Đề án 2		
....			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Chỉ nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2	Chỉ nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Các hoạt động KH&CN khác		
3.1			
3.2			
...			
4	Các dự án có tính chất đặc biệt		
4.1			
4.2			
...			
5	Nhiệm vụ KH&CN được Thủ tướng Chính phủ giao		
5.1			
...			
B	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1		
2	Dự án 2		
...			
	Tổng số (A + B)		

11

UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 2
Biểu TK2-5

DỰ KIẾN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2021	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2021	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2021	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2022
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyên tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)				
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện				
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước				
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng				
	Sở hữu trí tuệ				
	Thông tin và thống kê KH&CN				
	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân				
	Đào tạo, tập huấn				
	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN				
	Thanh tra KH&CN				
	Hợp tác quốc tế				
	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN				
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện				
6	Chi các đơn vị sự nghiệp				
7	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp				
8	Chi khác				
II	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1				
2	Dự án 2				
...					
	Tổng số	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>

11